BIC
TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV

Hotline 24/7
1900 9456
www.bic.vn
www.mybic.vn

Thành viên của BIDV

Sống trọn
An Tâm!

- Không yêu cầu khám sức khỏe trước khi tham gia
- Phí bảo hiểm hấp dẫn chỉ từ 50.000 đồng/năm
- Mua online dễ dàng qua mybic.vn với thời hạn bảo hiểm liên tục tới 5 năm
- Thủ tục bồi thường nhanh gọn, đơn giản



BẢO HIỂM UNG THƯ
BIC PHÚC TÂM AN



BẢO HIỂM BỆNH UNG THƯ

ĐỐI TƯỢNG THAM GIA

- Công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú hợp pháp tại Việt Nam
- Độ tuổi: từ 16 đến 65 tuổi

  Khách hàng từ 61 đến 65 tuổi chỉ tham gia dưới hình thức tái tục.
- Tại thời điểm bắt đầu tham gia bảo hiểm không mắc các bệnh sau: bệnh ung thư, bệnh đột quỵ, bệnh suy thận mạn giai đoạn 4 trở lên; hoặc bị biến chứng của tiểu đường; hoặc bị suy tim độ 3 trở lên; hoặc bị bệnh động mạch vành

THỜI GIAN CHỜ

- Đối với Quyền lợi bảo hiểm Bệnh ung thư, trợ cấp nằm viện: 90 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm cộng với 30 ngày sống sót sau chẩn đoán Ung thư
- Đối với quyền lợi bảo hiểm Tử vong do đột quỵ: 90 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm
- Đối với Quyền lợi bảo hiểm Tử vong do Bệnh ung thư: 90 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm cộng với 30 ngày sống sót sau chẩn đoán Ung thư
- Đối với Quyền lợi bảo hiểm Tử vong do tai nạn: Không áp dụng

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Quyền lợi bảo hiểm	CTBH 1	CTBH 2	CTBH 3	CTBH 4
A. Quyền lợi bảo hiểm chính	**122.000.000**	**244.000.000**	**366.000.000**	**610.000.000**
1. Quyền lợi bảo hiểm bệnh ung thư	100.000.000	200.000.000	300.000.000	500.000.000
1.1 Quyền lợi bảo hiểm bệnh ung thư giai đoạn sớm	25.000.000	50.000.000	75.000.000	125.000.000
1.2 Quyền lợi bảo hiểm bệnh ung thư giai đoạn trễ	100.000.000	200.000.000	300.000.000	500.000.000
2. Quyền lợi trợ cấp nằm viện	12.000.000	24.000.000	36.000.000	60.000.000
2.1 Ung thư giai đoạn sớm (trong vòng 06 tháng kể từ ngày có chẩn đoán bệnh giai đoạn sớm)	6.000.000	12.000.000	18.000.000	30.000.000
Giới hạn 1 ngày nằm viện - Tối đa 30 ngày/toàn bộ thời gian BH	200.000	400.000	600.000	1.000.000
2.2 Ung thư giai đoạn trễ (trong vòng 12 tháng kể từ ngày có chẩn đoán bệnh giai đoạn trễ)	12.000.000	24.000.000	36.000.000	60.000.000
Giới hạn 1 ngày nằm viện - Tối đa 60 ngày/toàn bộ thời gian BH	200.000	400.000	600.000	1.000.000
3. Quyền lợi tử vong do bệnh ung thư	10.000.000	20.000.000	30.000.000	50.000.000
4. Quyền lợi tử vong do tai nạn	10.000.000	20.000.000	30.000.000	50.000.000
B. Quyền lợi bảo hiểm bổ sung (Lựa chọn)	**100.000.000**	**200.000.000**	**300.000.000**	**500.000.000**
5. Quyền lợi tử vong do bệnh đột quỵ	100.000.000	200.000.000	300.000.000	500.000.000

BIỂU PHÍ BẢO HIỂM 1 NĂM

(Đơn vị: đồng)

Độ tuổi	Chương trình 1		Chương trình 2		Chương trình 3		Chương trình 4	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
16	51.000	47.000	101.000	94.000	152.000	141.000	253.000	234.000
17	51.000	49.000	102.000	97.000	152.000	145.000	254.000	242.000
18	56.000	57.000	112.000	114.000	168.000	170.000	279.000	283.000
19	63.000	67.000	126.000	134.000	189.000	201.000	314.000	335.000
20	72.000	80.000	144.000	159.000	216.000	238.000	359.000	397.000
21	83.000	92.000	166.000	183.000	249.000	274.000	415.000	456.000
22	91.000	108.000	182.000	216.000	272.000	324.000	453.000	539.000
23	103.000	122.000	206.000	244.000	309.000	365.000	514.000	608.000
24	117.000	141.000	234.000	281.000	351.000	422.000	584.000	703.000
25	130.000	160.000	259.000	319.000	389.000	478.000	648.000	797.000
26	144.000	178.000	288.000	355.000	432.000	532.000	720.000	887.000
27	160.000	195.000	320.000	389.000	479.000	584.000	798.000	972.000
28	179.000	214.000	358.000	427.000	537.000	641.000	895.000	1.068.000
29	200.000	231.000	399.000	462.000	599.000	693.000	998.000	1.155.000
30	218.000	254.000	436.000	507.000	653.000	760.000	1.089.000	1.266.000
31	245.000	277.000	490.000	554.000	734.000	830.000	1.224.000	1.383.000
32	272.000	299.000	544.000	598.000	816.000	896.000	1.359.000	1.494.000
33	302.000	329.000	604.000	657.000	906.000	985.000	1.509.000	1.641.000
34	337.000	356.000	674.000	712.000	1.011.000	1.067.000	1.684.000	1.779.000
35	374.000	388.000	747.000	775.000	1.121.000	1.162.000	1.867.000	1.936.000
36	418.000	420.000	836.000	840.000	1.253.000	1.259.000	2.089.000	2.099.000
37	462.000	454.000	923.000	907.000	1.384.000	1.360.000	2.306.000	2.267.000
38	518.000	495.000	1.036.000	989.000	1.553.000	1.483.000	2.589.000	2.471.000
39	586.000	540.000	1.171.000	1.080.000	1.756.000	1.620.000	2.927.000	2.700.000
40	653.000	585.000	1.306.000	1.170.000	1.959.000	1.754.000	3.265.000	2.924.000
41	728.000	635.000	1.455.000	1.270.000	2.182.000	1.905.000	3.636.000	3.175.000
42	812.000	690.000	1.624.000	1.379.000	2.436.000	2.068.000	4.060.000	3.447.000
43	904.000	745.000	1.807.000	1.490.000	2.710.000	2.235.000	4.516.000	3.724.000
44	1.004.000	806.000	2.008.000	1.611.000	3.012.000	2.416.000	5.020.000	4.027.000
45	1.100.000	865.000	2.200.000	1.730.000	3.300.000	2.595.000	5.500.000	4.324.000
46	1.198.000	918.000	2.396.000	1.835.000	3.594.000	2.752.000	5.990.000	4.587.000
47	1.288.000	969.000	2.576.000	1.938.000	3.864.000	2.907.000	6.440.000	4.844.000
48	1.390.000	1.021.000	2.780.000	2.041.000	4.170.000	3.061.000	6.949.000	5.102.000
49	1.486.000	1.073.000	2.972.000	2.145.000	4.457.000	3.217.000	7.428.000	5.361.000
50	1.579.000	1.119.000	3.157.000	2.237.000	4.736.000	3.355.000	7.893.000	5.591.000
51	1.675.000	1.165.000	3.350.000	2.330.000	5.024.000	3.494.000	8.373.000	5.824.000
52	1.760.000	1.202.000	3.520.000	2.403.000	5.280.000	3.605.000	8.800.000	6.008.000
53	1.837.000	1.235.000	3.674.000	2.470.000	5.511.000	3.705.000	9.185.000	6.174.000
54	1.909.000	1.262.000	3.818.000	2.523.000	5.727.000	3.784.000	9.545.000	6.307.000
55	1.979.000	1.284.000	3.957.000	2.568.000	5.936.000	3.851.000	9.892.000	6.418.000
56	2.056.000	1.306.000	4.112.000	2.611.000	6.168.000	3.916.000	10.280.000	6.526.000
57	2.128.000	1.322.000	4.256.000	2.644.000	6.384.000	3.966.000	10.640.000	6.610.000
58	2.195.000	1.330.000	4.390.000	2.660.000	6.585.000	3.989.000	10.975.000	6.649.000
59	2.263.000	1.339.000	4.526.000	2.677.000	6.788.000	4.015.000	11.314.000	6.691.000
60	2.330.000	1.340.000	4.659.000	2.680.000	6.988.000	4.020.000	11.647.000	6.700.000
61	2.400.000	1.342.000	4.799.000	2.684.000	7.198.000	4.025.000	11.996.000	6.709.000
62	2.462.000	1.344.000	4.923.000	2.687.000	7.384.000	4.031.000	12.307.000	6.718.000
63	2.526.000	1.346.000	5.051.000	2.691.000	7.577.000	4.036.000	12.628.000	6.727.000
64	2.574.000	1.348.000	5.147.000	2.695.000	7.720.000	4.042.000	12.866.000	6.736.000
65	2.611.000	1.349.000	5.222.000	2.698.000	7.833.000	4.047.000	13.054.000	6.745.000

Phí bảo hiểm bổ sung quyền lợi bệnh đột quỵ

- Đối với nam: Phí bảo hiểm = Phí bảo hiểm quyền lợi bảo hiểm chính tương ứng x 17.5%
- Đối với nữ: Phí bảo hiểm = Phí bảo hiểm quyền lợi bảo hiểm chính tương ứng x 12.5%

Mạng lưới BIC

Hotline 24/7 | 1900 9456

bic@bidv.com.vn

bic.vn | mybic.vn

Số 263 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội